

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH VĨNH PHÚC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST

Ngày 17 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thuý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Mạnh C**, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1959 tại: **huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc**; Nơi thường trú: **Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: **Nguyễn Văn G**, SN 1918; Mẹ đẻ: **Phùng Thị T**, SN 1918 (đều đã chết); Vợ: **Hoàng Thị D**, sinh năm 1959 (đã chết); Con: Có 03 con; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2023 đến ngày 29/12/2023, hiện tại ngoại tại nơi cư trú.

Người làm chứng:

1. Hà Thị S, sinh năm 1982; Địa chỉ: TDP X, phường P, TP P, tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Đoàn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: TDP T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết từ trước đối với Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1959 trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên chiều ngày 22/12/2023 Đoàn Thị H, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và Hà Thị S, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà Cầu đặt vấn đề xin làm gái bán dâm. C đồng ý và thỏa thuận với H, S là khi có khách mua dâm đến C sẽ bố trí cho H và S bán dâm, mỗi lần Cầu thu của khách mua dâm 150.000 đồng/ 01 người/ 01 lần, trong đó C được hưởng 50.000đ, người bán dâm sẽ được hưởng 100.000đ một lần bán dâm, C cho H và S ăn, ở tại nhà Cầu, khi nào có khách đến mua dâm thì C sẽ bố trí.

Đến khoảng 13h00' ngày 23/12/2023, khi C đang ở nhà thì có 02 nam giới là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đi cùng trên 01 chiếc xe taxi đến nhà Cầu đặt vấn đề mua dâm. C đồng ý bảo T2, T1 là giá 150.000đ/1 lần mua dâm. T2, T1 đồng ý sau đó T2 và T1 mỗi người đưa cho C 150.000 đồng, C cầm tiền cất vào túi quần. Lúc này có Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đang nhổ cỏ ngoài vườn nhà Cầu giúp C. Cùng thời điểm này còn có Đặng Văn T3, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đi vào nhà Cầu chơi và chứng kiến sự việc T1, T2 thỏa thuận việc mua dâm với C.

Sau đó, C bảo Đoàn Thị H (gái bán dâm) vào phòng số 1 để bán dâm cho T1 và bảo Hà Thị S (gái bán dâm) vào phòng số 2 bán dâm cho T2. H vào phòng số 1 gặp T1 rồi đưa cho T1 01 bao cao su nhãn hiệu Water lotus mà H đã chuẩn bị trước để mua bán dâm. Sau đó H, T1 tự cởi quần áo của mình, T1 xé vỏ bao cao su, đeo bao cao su vào dương vật đang cương cứng của mình rồi giao cấu với H. Sinh vào phòng số 2 gặp T2 rồi đưa cho T2 01 bao cao su nhãn hiệu Water lotus mà S đã chuẩn bị trước để mua bán dâm. Sau đó S, T2 tự cởi quần áo của

mình, T2 xé vỏ bao cao su, đeo vào dương vật đang cương cứng của mình rồi giao cấu với S. Khi H, S đang quan hệ tình dục với T1 và T2 thì bị lực lượng Công an tỉnh V vào kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Tang vật cơ quan Công an đã thu giữ:

- Số tiền 300.000đ trên người Nguyễn Mạnh C mà C khai nhận là tiền T2, T1 mua dâm.

- Tại phòng số 1 thu giữ 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu Water lotus và 01 (một) lõi bao cao su đã qua sử dụng; 03 bao cao su nhãn hiệu Water lotus chưa sử dụng.

- Tại phòng số 2 thu giữ 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu Water lotus và 01 (một) lõi bao cao su đã qua sử dụng; 03 bao cao su nhãn hiệu Water lotus chưa sử dụng.

- Thu trên người Nguyễn Mạnh C 01 (một) điện thoại di động đã cũ nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng vàng, số IMEI: 358809052339399.

Kết quả điều tra còn xác định:

- Đối với hai người mua dâm là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 sau khi bị bắt về làm việc tại Cơ quan điều tra đã khai nhận rõ về hành vi mua dâm của mình và tự khai về nhân thân, địa chỉ của mình, sau đó Cơ quan điều tra đã cho T2, T1 về và yêu cầu ngày hôm sau đến làm việc. Tuy vậy, T1, T2 đã không đến làm việc theo yêu cầu. Căn cứ lời khai của T1, T2, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V đã tiến hành xác minh nhân thân của T1, T2 tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả hai địa phương này đều xác định là không có người nào tên là T1, T2 có nhân thân như 02 đối tượng này đã khai đang sinh sống, thường trú hoặc tạm trú tại địa phương. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với 02 gái bán dâm là Đoàn Thị H, Hà Thị S: Ngày 23/12/2023, H, S đã bán dâm cho 02 nam giới tự khai là T1 và T2 theo sự bố trí của Nguyễn Mạnh C tại nhà ở của C. Hành vi bán dâm của H, S đã vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 25 - Nghị định số 144/2021/NĐ - CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về phòng, chống tệ nạn xã hội (phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000đ đến 500.000đ đối với hành vi bán dâm). Vì vậy, ngày 06/3/2024. Phòng CSHS Công an tỉnh V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52, 53 đối với H và S với hình thức phạt tiền 400.000đ/ người (H, S đã chấp hành nộp phạt xong).

Đối với **Nguyễn Thị H1**: Kết quả điều tra xác định **H1** là người có quan hệ tình cảm với **C**. Ngày 23/12/2023, **H1** đến nhà Cầu chơi và nhờ cỏ ngoài vườn giúp **C**. Việc **C** chứa mại dâm, bố trí mua bán dâm tại nhà thì **H1** không biết và không tham gia giúp sức gì cho **C**. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh V** không đề cập xử lý gì đối với **H1**.

Tại Cáo trạng số 47/ CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo **Nguyễn Mạnh C** về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi năm 2017.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Mạnh C** khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội “Chứa mại dâm” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Mạnh C** từ 01 năm 06 tháng năm đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 03 năm đến 04 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Chứa mại dâm”. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 300.000đ thu trên người Nguyễn Mạnh Cầu là tiền của **T1** và **T2** mua dâm nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Các bao cao su chưa sử dụng và đã sử dụng thu giữ tại các phòng số 1, 2 nhà Cầu tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động đã cũ nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng vàng, số IMEI: 358809052339399 thu giữ của **Nguyễn Mạnh C**. Kết quả điều tra xác định **C** không sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho **C**, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13h00' ngày 23/12/2023, bị cáo Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1959 trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc có nhận 300.000đ là tiền mua dâm của người 02 người nam giới tự khai tên là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2. Sau đó, C bố trí cho T1 mua dâm Đoàn Thị H tại phòng số 1 và T2 mua dâm Hà Thị S tại phòng số 2 (02 phòng này đều là nhà ở của Cầu). Khi T1 đang quan hệ tình dục với H ở phòng số 1, T2 đang quan hệ tình dục với S ở phòng số 2 thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang. Tang vật cơ quan Công an đã thu giữ: Số tiền mua bán dâm 300.000đ, 06 bao cao su nhãn hiệu Water lotus chưa sử dụng, 02 lõi bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Water lotus, 01 chiếc điện thoại di động.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh và làm ảnh hưởng đến nhân cách con người; gây mất trật tự trị an xã hội. Tệ nạn mại dâm còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, làm lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Bản thân bị cáo mặc dù nhận thức được tác hại của tệ nạn trên nhưng vì hám lợi nên vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa chung về hành vi phạm tội như trên.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã từng tham gia bảo vệ **Tổ Q** được hưởng chế độ trợ cấp một lần đồng thời bị cáo đang là người duy nhất thờ cúng chú ruột là Liệt sĩ. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng hoặc định khung tăng nặng do người mua dâm là 1 nhóm rủ nhau cùng đi mua dâm, cùng đặt vấn đề mua dâm tại một thời điểm.

[6] Về hình phạt: Với những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là đáng lên án nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân bị cáo là người lớn tuổi đang mắc bệnh phải điều trị. Tại phiên tòa bị viêm phế quản mãn tính phải điều trị. Tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được tác hại đối với hành vi phạm tội của mình và mong muốn sửa chữa lỗi lầm để làm việc có ích cho xã hội. Do vậy Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét và thấy rằng cần áp dụng một hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án và các tài liệu, đồ vật thu giữ:

- Đối với số tiền 300.000đ thu trên người Nguyễn Mạnh Cầu là tiền của **T1** và **T2** mua dâm nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các bao cao su chưa sử dụng và các bao cao su đã sử dụng thu giữ tại các phòng số 1, 2 nhà Cầu cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động đã cũ nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng vàng, số IMEI: 358809052339399 thu giữ của **Nguyễn Mạnh C**. Kết quả điều tra xác định **C** không sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho **C**, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

- Đối với hai người mua dâm là **Nguyễn Văn T1** và **Nguyễn Văn T2** sau khi bị bắt về làm việc tại Cơ quan điều tra đã khai nhận rõ về hành vi mua dâm của mình và tự khai về nhân thân, địa chỉ của mình. Tuy nhiên sau đó không đến CQĐT làm việc. Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh V** đã tiến hành xác minh nhân thân

của T1, T2 đều xác định là không có người nào tên là T1, T2 có nhân thân như 02 đối tượng này đã khai đang sinh sống, thường trú hoặc tạm trú tại địa phương. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với T1, T2 là phù hợp.

Đối với 02 gái bán dâm là Đoàn Thị H, Hà Thị S: Ngày 06/3/2024. Phòng CSHS Công an tỉnh V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 52, 53 đối với H và S với hình thức phạt tiền 400.000đ/ người (H, S đã chấp hành nộp phạt xong).

Đối với Nguyễn Thị H1: Kết quả điều tra xác định H1 không biết và không tham gia giúp sức gì cho C. Do vậy, việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V không đề cập xử lý gì đối với H1 là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Mạnh C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Chứa mại dâm”.

1.Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Mạnh C 01(một) năm 06 (sáu) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của bị cáo **Nguyễn Mạnh C** để sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo **Nguyễn Mạnh C** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai